

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Tổng công ty Bưu chính Việt Nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 153/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2004 của Chính phủ về tổ chức, quản lý tổng công ty, công ty nhà nước và chuyển đổi tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập theo mô hình công ty mẹ - công ty con;

Căn cứ Quyết định số 58/2005/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm hình thành Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt nam;

Căn cứ Quyết định số 06/2006/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Quyết định số 265/2006/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 674/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thành lập Tổng công ty Bưu chính Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Hội đồng quản trị Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổng công ty Bưu chính Việt Nam:

1. Tổng công ty Bưu chính Việt Nam là Tổng công ty nhà nước, do Nhà nước quyết định thành lập và giao vốn thông qua Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam; thực hiện chế độ hạch toán và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam; có tư cách pháp nhân, con dấu, biểu tượng, Điều lệ tổ chức và hoạt động; được mở tài khoản tại Kho bạc

Nhà nước, các ngân hàng theo quy định của pháp luật; có trách nhiệm kế thừa các quyền, nghĩa vụ pháp lý và lợi ích hợp pháp về hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bưu chính của Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam trước đây theo quy định của pháp luật.

2. Tên gọi: Tổng công ty Bưu chính Việt Nam, *viết tắt là Bưu chính Việt Nam.*

Tên giao dịch quốc tế: Vietnam Post, *viết tắt là VNPost.*

3. Trụ sở chính: đặt tại Thành phố Hà Nội

4. Vốn điều lệ: không thấp hơn 8.122 tỷ đồng tại thời điểm thành lập, được hình thành từ vốn, tài sản thuộc sở hữu nhà nước tại Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam được Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam bàn giao cho Tổng công ty Bưu chính Việt Nam.

5. Lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh:

a) Thiết lập, quản lý, khai thác và phát triển mạng bưu chính công cộng, cung cấp các dịch vụ bưu chính công ích theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Cung cấp các dịch vụ công ích khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Kinh doanh các dịch vụ bưu chính dành riêng theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Kinh doanh các dịch vụ bưu chính, phát hành báo chí, chuyển phát trong và ngoài nước;

đ) Tham gia các hoạt động cung cấp dịch vụ bưu chính quốc tế và các dịch vụ khác trong khuôn khổ các điều ước quốc tế trong lĩnh vực bưu chính mà Việt Nam ký kết, gia nhập khi được Nhà nước cho phép;

e) Hợp tác với các doanh nghiệp viễn thông để cung cấp dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin;

g) Tư vấn, nghiên cứu, đào tạo, dạy nghề và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực bưu chính;

h) Kinh doanh các dịch vụ trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật;

i) Kinh doanh các dịch vụ bảo hiểm, tài chính, ngân hàng theo quy định của pháp luật;

k) Kinh doanh vận tải hành khách, vận tải hàng hoá theo quy định của pháp luật;

- l) Kinh doanh các dịch vụ Logistics;
- m) Mua, bán, sửa chữa xe và vật tư, thiết bị xe, máy;
- n) Mua, bán, đại lý mua, đại lý bán các loại hàng hóa và dịch vụ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- o) Xuất khẩu, nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông; công nghệ thông tin, thiết bị văn phòng và các loại hàng hoá, dịch vụ khác;
- p) Cho thuê máy móc thiết bị, phương tiện vận tải theo quy định của pháp luật;
- q) In, sao bản ghi các loại; xuất bản, kinh doanh xuất bản phẩm;
- r) Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng;
- s) Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, dịch vụ du lịch, quảng cáo;
- t) Sản xuất giấy và các sản phẩm về giấy theo quy định của pháp luật;
- u) Tư vấn, nghiên cứu thị trường; xây dựng, lưu trữ và khai thác cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật;
- v) Thiết kế, xây dựng công trình, hạng mục công trình trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông;
- x) Kinh doanh các ngành, nghề khác theo quy định của pháp luật.

6. Cơ cấu quản lý Tổng công ty Bưu chính Việt Nam, bao gồm:

- a) Hội đồng quản trị Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam là Đại diện trực tiếp chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty Bưu chính Việt Nam;
- b) Ban Kiểm soát Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam giúp Hội đồng quản trị Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, chính xác và trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, ghi chép sổ kế toán, báo cáo tài chính, việc chấp hành Điều lệ Tổng công ty Bưu chính Việt Nam; việc chấp hành các nghị quyết, quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam trong việc thực hiện chức năng đại diện trực tiếp chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty Bưu chính Việt Nam;
- c) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

7. Các đơn vị thành viên của Tổng công ty Bưu chính Việt Nam:

- a) Đơn vị hạch toán phụ thuộc:
 - Sáu mươi tư (64) Bưu điện của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (được hình thành trên cơ sở tách hoạt động bưu chính từ các Bưu điện

tỉnh, thành phố hiện nay, trong đó các Bưu điện: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần thơ, Bình Định được tổ chức lại bao gồm việc sáp nhập các Trung tâm của Công ty Bưu chính liên tỉnh và quốc tế - VPS);

- Công ty Phát hành báo chí Trung ương;
- Công ty dịch vụ Tiết kiệm Bưu điện;
- Các đơn vị khác hình thành theo quy định của pháp luật.

b) Các công ty do Tổng công ty Bưu chính Việt Nam góp trên 50% vốn điều lệ:

- Công ty cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu điện;
- Công ty cổ phần Tem Bưu chính (thực hiện cổ phần hoá Công ty Tem sau khi tách và đưa phần quản lý và kinh doanh tem cước phí về Ban Tem bưu chính thuộc Tổng công ty);
- Công ty cổ phần in Tem Bưu điện (thực hiện cổ phần hoá Công ty In tem Bưu điện);

- Công ty cổ phần Du lịch Bưu điện;
- Các đơn vị khác hình thành theo quy định của pháp luật.

c) Đơn vị sự nghiệp: được hình thành theo quy định của pháp luật.

Các đơn vị thành viên khác được thành lập theo chiến lược phát triển của Tổng công ty và quy định của pháp luật.

8. Các công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên, công ty cổ phần do Tổng công ty Bưu chính Việt Nam góp dưới 50% vốn điều lệ.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên DHL/VNPT;
- Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện;
- Các công ty khác hình thành theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Hội đồng quản trị Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam có trách nhiệm:

1. Xây dựng lộ trình và chỉ đạo triển khai thực hiện chia tách bưu chính và viễn thông để hình thành Tổng công ty Bưu chính Việt Nam, bảo đảm cho Tổng công ty Bưu chính Việt Nam hoạt động và hạch toán theo mô hình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt từ 01/01/2008.

2. Bảo đảm sự liên tục, ổn định của các hoạt động điều hành mạng lưới bưu chính và cung cấp các dịch vụ bưu chính, dịch vụ bưu chính công ích cho

khách hàng trong thời gian chuyển giao quyền và nghĩa vụ hợp pháp giữa Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và Tổng công ty Bưu chính Việt Nam.

3. Thực hiện các nhiệm vụ và trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của Tổng công ty Bưu chính Việt Nam được quy định tại Quyết định số 674/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thành lập Tổng công ty Bưu chính Việt Nam và quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

4. Tổ chức thực hiện cổ phần hoá các đơn vị để hình thành Công ty cổ phần Tem Bưu chính và Công ty cổ phần in Tem Bưu điện theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Hội đồng quản trị Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Tổng Giám đốc Tổng công ty Bưu chính Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Đỗ Trung Tá